

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày 19/5/2023

V/v Kiện đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tiến

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Kiện đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-DS ngày 21/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1960. Địa chỉ: 189 đường T, khu N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Bà Trương Thị Đ, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972. Địa chỉ đăng ký thường trú: 81 N, phường T, TP.H, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ liên lạc: 536 N, phường T, TP.H, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, bà Đỗ Thị D là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/3/2010, vợ chồng bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn V vay của bà D số tiền 290.000.000 đồng để dùng vào mục đích kinh doanh buôn bán, thời hạn vay là 01 tháng, khi nhận tiền vay bà Đ ông V có lập giấy

biên nhận ghi ngày 30/3/2010. Lãi suất, hai bên thỏa thuận miệng, không được ghi trong giấy nhận tiền. Kể từ khi nhận tiền vay đến nay, thời gian kéo dài đã hơn 12 năm nhưng bà Đ, ông V vẫn chưa thanh toán trả bà số tiền đã vay trên. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà Đ, ông V thanh toán toàn bộ số tiền trên, nhưng bà Đ ông V luôn trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Chồng bà là ông B đã chết, bà D xác định số tiền cho bà Đ ông V là tiền của bà, không liên quan đến ai khác. Bà D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 149; khoản 2 Điều 155; Điều 166; Điều 463; khoản 1 và 4 Điều 466; Điều 357; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự. Tuyên xử: Buộc vợ chồng bà Đ ông V phải trả bà D toàn bộ số tiền gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức $0,75\%/tháng/290.000.000 \text{ đồng} = 2.175.000\text{đ}/tháng$ kể từ ngày 01/5/2010 đến ngày xét xử; tạm tính đến ngày 11/01/2022 là 151 tháng x $2.175.000\text{đ}/tháng$ là 328.425.000 đồng. Cộng là 618.425.000 đồng.

Về việc bà Đ ông V trình bày gia đình bà D đe dọa và ép bà Đ viết giấy vay tiền từ 210.000.000 đồng thành 290.000.000 đồng. Bà D xác định không có việc đó, nếu bà Đ có chứng cứ, bà xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đối với việc bà Đ ông V khai đã trả 185.000.000.000 đồng vào nợ gốc, bà xác nhận đã nhận của bà Đ nhiều lần với tổng số tiền 165.000.000 đồng, lần nhận cuối cùng vào tháng 12/2018; đối với số tiền bà Đ khai đưa cho anh T (*là cháu ông C*) 20.000.000 đồng để trả cho bà, bà xác định không biết ông C, anh T là ai, địa chỉ ở đâu, bà không nhờ ông C, anh T đòi nợ hộ nên bà không chấp nhận bà Đ đã trả 20.000.000 đồng này. Việc trả 165.000.000 đồng là bà Đ trả tiền lãi suất theo như thỏa thuận miệng, vì thực tế không ai cho vay không bao giờ, khi cho vay có thỏa thuận lãi bằng miệng với nhau. Nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đòi tiền gốc 290.000.000 đồng và lãi chậm trả như trên.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu có trong hồ sơ, bà Đ ông V trình bày: Vào thời điểm trước năm 2010, ông bà với bà D sinh sống cùng khu phố, có buôn bán kinh doanh, thỉnh thoảng có vay tiền nóng của nhau nhưng không phải vay trả lãi. Bà D có cho ông bà vay số tiền 210.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng ông bà bị đối tượng Mạc Văn T và Dương Thị A lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông bà số tiền 4,8 tỷ đồng từ năm 2010 (*vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử bị cáo T 20 năm tù giam*). Dẫn đến việc vợ chồng ông bà bị vỡ nợ, việc vỡ nợ này ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc học tập của con cái ông bà. Gia đình ông bà đã chuyển từ huyện Nam Sách sang thành phố Hải Dương thuê nhà sinh hoạt và cho con học hành. Tuy nhiên, ngày 30/3/2010, gia đình bà D đã đón đường khi bà Đ đi đón con ở trường học về, bà D đã đe dọa giết mẹ con bà Đ, ép bà Đ phải viết giấy vay tiền với tổng số tiền thành

290.000.000 đồng. Bà đã phải viết giấy vay tiền với bà D, với số tiền 290.000.000 đồng. Kể từ ngày bị ép viết giấy vay tiền thì điều kiện kinh tế của vợ chồng ông bà ngày càng khó khăn hơn, ông bà phải đi bán hàng thuê để kiếm sống nuôi con nhỏ. Nhưng bà D thường xuyên thuê xã hội đen, thuê đội thương binh đến ăn nằm ở cửa hàng chỗ bán hàng, đập chất bản hóa chất mắm tôm vào các mặt hàng, gây áp lực tinh thần cho ông bà trong suốt thời gian dài. Ngoài ra, bà D còn thuê xã hội đen đánh bà Đ, sự việc đã bị camera của cửa hàng ghi lại. Ông bà rất bức xúc việc làm của bà D. Đối với số tiền 290.000.000 đồng bị ép viết giấy vay này, ông bà đã trả bà D tổng số tiền là 185.000.000 đồng vào nợ gốc, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ số tiền đã trả nêu trên. Ngoài số tiền trả 165.000.000 đồng, bà D đã thừa nhận, ông bà còn trả một lần vào tháng 9/2010, do bà D thuê ông C nhà ở cầu P cũ, ông C đã cho người đập chất bản vào nhà ông bà và cho cháu ruột tên là Lê Anh T gọi ông C là cậu ruột đến đòi tiền. Ông bà đã đi vay để trả cho bà D số tiền 20.000.000 đồng thông qua anh T nhận tại nhà ông bà. Khi giao số tiền này cho anh T, bà Đ có điện thoại cho bà D nói chỉ lo được 20.000.000 đồng, bà D đồng ý nhận nên ông bà mới giao 20.000.000 đồng cho anh T nhận thay bà D. Việc vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất, không có việc thỏa thuận trả lãi suất miệng với nhau. Ông bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc và trả lãi như nội dung đơn khởi kiện của bà D. Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự này đã hết, bà Đ ông V đề nghị Tòa bác bỏ, không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà D. Do điều kiện công việc của ông bà đang đi làm ăn ở xa, rất bận nên không thể có mặt tại các phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông bà.

Tại phiên tòa:

Bà D không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ. Bà D giữ nguyên quan điểm đã trình bày nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay nợ là 125.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất chậm trả. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn và bị đơn thực hiện giao dịch vay tiền, đây là hợp đồng vay tài sản. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền vay và tiền lãi suất chậm trả. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Bà D đã khởi kiện sau 03 năm, bà Đ và ông V yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, đề nghị của bà Đ ông V được chấp nhận, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản đã hết thời hiệu khởi kiện. Căn cứ quy định tại Điều 155, không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Vì vậy, Tòa án xác định yêu cầu khởi kiện của bà D đòi số tiền nợ gốc là quan hệ tranh chấp về Kiện đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà D, thì thấy: Bà Đ ông V thừa nhận có việc vay bà D số tiền 210.000.000 đồng từ trước năm 2010; đến ngày 30/3/2010, do gia đình bà Đ ép nên bà Đ mới viết giấy vay trên thẻ hiện vay 290.000.000 đồng. Bà D không thừa nhận việc ép bà Đ viết giấy vay 290.000.000 đồng. Ngoài lời khai của bà Đ và ông V, không có tài liệu chứng cứ về việc vay bà D số tiền 210.000.000 đồng và việc bị bà D ép viết giấy vay trên. Căn cứ lời khai của bà D phù hợp với giấy vay do bà Đ thừa nhận trực tiếp viết có nội dung, ngày 30/3/2010, em Đ V vay của chị D V với số tiền là 290.000.000 đồng đến ngày 30/4/2010 âm lịch, em thanh toán trả hết anh chị, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm; có ký tên Trương Thị Đ. Như vậy, Tòa án xác định bà Đ ông V vay của bà D số tiền 290.000.000 đồng. Bà D trình bày, việc cho vay có thỏa thuận lãi suất miệng giữa hai bên, nhưng không có chứng cứ chứng minh; bà Đ ông V xác định việc vay không có lãi suất. Do vậy, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn không có thỏa thuận về lãi suất, lãi chậm trả.

[4] Bị đơn xác định đã trả được 185.000.000 đồng tiền nợ gốc, trong đó đã trả 20.000.000 đồng do anh T nhận, đòi nợ thay nguyên đơn. Nguyên đơn xác nhận đã nhận 165.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng trả thông qua anh T không chấp nhận. Bị đơn không có chứng cứ, tài liệu về việc nguyên đơn ủy quyền cho anh T nhận tiền thay, cũng không cung cấp họ tên, tuổi, địa chỉ của anh T. Như vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần ý kiến của bị đơn là đã trả nguyên đơn 165.000.000 đồng. Số tiền đã trả 165.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn đều không có chứng cứ, tài liệu xác định là trả tiền gốc hay trả tiền lãi suất. Như phân tích tại mục [3], Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không lãi suất nên số tiền bị đơn đã trả nguyên đơn được trừ vào tiền gốc. Vì vậy, chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 290.000.000 đồng - 165.000.000 đồng = 125.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu lãi suất chậm trả của nguyên đơn, nguyên đơn không có chứng cứ, tài liệu về việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về tiền lãi suất cũng như lãi chậm trả. Mặt khác, thời hiệu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng đã hết nên Tòa án không chấp nhận về yêu cầu tiền lãi chậm trả của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi nên Tòa án miễn án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 149, 155, 166, 274, 275, 357, 429, 463, 466, 579 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị D. Buộc bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền là 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị D về lãi suất chậm trả.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Đ và ông Nguyễn Văn V phải nộp 6.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà D.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Sơn